

Bản án số: 381/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Bà Bùi Thị Hào

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2021/TLST – HNGĐ ngày 06/5/2021 về việc tranh chấp ly hôn. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXX-ST ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị TTMH, sinh năm 1985, trú tại: P12 KĐT VH, Phường G, quận L, TP HN. (Xin xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* Anh LVN, sinh năm 1983. HKTT: P 208 n P9 KĐT VH, phường G, quận L, TP HN. Hiện trú tại: TG, xã T, huyện TT, TP HN. (Xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, chị TTMH trình bày: Ngày 09/11/2011, tôi và anh LVN đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TT, TP HN), theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 59 quyển số 02/11. Sau khi kết hôn, chúng tôi về chung sống cùng nhà chồng một thời gian tại KĐT VH - quận LB - TP HN. Cuộc sống ban đầu vợ chồng rất hạnh phúc, đặc biệt sau khi tôi sinh cháu MT, QA, cuộc sống gia đình chúng tôi luôn tràn đầy những tiếng cười, niềm vui. Nhưng thời gian hạnh phúc không được bao lâu, đến khoảng năm 2019, chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh N thường xuyên không ở nhà, không quan tâm nhiều đến gia đình, chăm sóc con cái, chúng cũng đã quen với việc thiếu đi tình cảm của người cha. Tình cảm chúng tôi ngày càng xa nhau, hiện chúng tôi đang sống ly thân được 7 tháng, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, vì vậy việc đi đến xây dựng cuộc sống hạnh phúc là điều không thể đạt được, anh N khi trở về nhà rất ít nói chuyện với tôi, bỏ mặc tôi, không quan tâm, không chăm lo nuôi dưỡng hai cháu MT, cháu QA và mọi việc trong gia đình. Trước đây vài tháng, chúng tôi đã nói với nhau về việc ly hôn, anh N cũng đã đồng ý nhưng chưa đi làm thủ tục. Mặt khác, mỗi khi tôi liên hệ với anh N thì tôi luôn nhận được sự thờ ơ, quát mắng dẫn đến chúng tôi

thường xuyên cãi cọ, nói nhau mỗi khi liên lạc, quan điểm, suy nghĩ mỗi bên hoàn toàn khác biệt, nó đi song song mà không có điểm chung nào. Chưa bao giờ chúng tôi quyết định một việc gì mà có ý kiến của cả hai, sự vô tâm của anh N khiến cho tôi càng cảm thấy cô đơn, trống trải, tình cảm chúng tôi ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, đôi lúc tôi bị trầm cảm, tuyệt vọng vì nghĩ cuộc sống vô nghĩa này kéo dài mà không có hồi kết, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự mơ ước về cuộc sống gia đình hạnh phúc đã biến mất trong chúng tôi, cả hai đều không muốn tiếp tục làm cho mình thêm mệt mỏi, đau đớn. Hiện cháu MT ở với cha, nhưng anh Ngọc đi làm ăn xa, ít khi ở nhà, mọi việc nuôi dưỡng, chăm sóc đều do bà nội của cháu chăm sóc, học hành. Sự thiếu trách nhiệm, thiếu tôn trọng của anh Ngọc đối với tôi và sự thiếu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu MT, cháu QA dẫn đến tình cảm hai bên ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Tôi buộc lòng phải quyết định ly hôn.

Vì vậy, tôi có đã có Đơn yêu cầu ly hôn gửi đến Quý Tòa.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Cháu QA, sinh ngày 17/7/2014; Cháu MT sinh ngày 15/7/2012; hiện cháu MT đang sống cùng cha, cháu QA đang sống cùng mẹ. Tại bản tự khai ngày 20/5/2021 chị mong Tòa xử cho được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Tại biên bản hòa giải và đơn đề nghị chị đề nghị mỗi người nuôi một con không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Chúng tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi xác định không có nợ chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh LVN trình bày: Vợ chồng kết hôn từ năm 2011 và có đăng ký tại UBND xã Thống Nhất. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống hòa thuận đến năm 2019 thì anh bị bệnh hiểm nghèo. Kể từ khi biết bị bệnh, vợ và gia đình vợ đã không thông cảm cùng tôi vượt qua mà tự ly thân và thúc giục bán nhà chia tài sản. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không có sự thông cảm chia sẻ nên chấp nhận ly hôn theo đề nghị của vợ.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu MT sinh ngày 15/7/2012 và cháu QA sinh ngày 17/7/2014. Tại bản tự khai mong muốn được nuôi cả hai con. Tại đơn đề nghị anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu QA. Do mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị H và anh N có đơn xin xử vắng mặt nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước khi có quyết định xét xử.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 55, 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị H và anh N, Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh N mỗi người nuôi một con. Anh N nuôi cháu T còn chị H nuôi cháu QA. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết do vậy đề nghị không xem xét giải quyết. Chị H và anh N phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:** Chị H có đơn xin ly hôn anh N gửi tại Tòa án nhân dân quận Long Biên, anh N có Hộ khẩu thường trú tại phường VH, quận L, TP HN. Chị H lựa chọn Tòa án nhân dân quận Long Biên giải quyết ly hôn, anh N có đơn đề nghị lựa chọn Tòa án nhân dân quận Long Biên giải quyết. Chị H và anh N đều có đơn xin vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Long Biên và HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị TTMH xây dựng gia đình với anh LVN trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/11/2011 tại UBND xã T, huyện TT, TP HN. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống cũng như tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 không quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và thỏa thuận tình ly hôn. Sự tự nguyện thuận tình ly hôn của hai anh chị phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là cháu MT sinh ngày 15/7/2012 và cháu QA sinh ngày 17/7/2014. Hiện nay cháu T đang ở với bố và cháu QA đang ở với mẹ. Khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận mỗi người nuôi một cháu. Chị H tiếp tục nuôi cháu QA còn anh N tiếp tục nuôi cháu MT, không bên nào phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con cho bên nào. Sự thỏa thuận này của hai anh chị phù hợp với pháp luật không trái đạo đức xã hội và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con nên được ghi nhận.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị H và anh N phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 của điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 40, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

**Xử:**

Ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của Chị TTMH sinh năm 1985 và anh LVN sinh năm 1983

**Về con chung:** Xác định chị H và anh N có 02 con chung là cháu MT sinh ngày 15/7/2012 và cháu QA sinh ngày 17/7/2014. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị: Giao cháu QA cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; Giao cháu L MT cho anh N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

**Về tài sản chung:** Không xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị TTMH và anh LVN mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Hà đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Long Biên ngày 27 tháng 4 năm 2021 theo LB số AA/2020/0064578, nay được hoàn lại 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị H và anh N. Báo cho chị H và anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

***Nơi gửi:***

- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- UBND xã Thống Nhất, huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Lưu TA

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Nga**

